

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2024-2025

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 5647/BGDĐT-QLCL ngày 27/10/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục đối với trung tâm GDNN-GDTX;

Trên cơ sở kết quả đánh giá 3 năm (2021-2023) thực hiện Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục các trường mầm non, phổ thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 192/KH-UBND); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (CQG) và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2024-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025; hoàn thành mục tiêu đề ra trong Kế hoạch số 192/KH-UBND.

- Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, góp phần tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của các cơ sở giáo dục theo từng giai đoạn; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đạt KĐCLGD; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng trường đạt CQG đảm bảo triển khai theo đúng lộ trình; xây dựng các giải pháp đồng bộ thực hiện tốt các tiêu chuẩn theo quy định của từng bậc học và gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

Công tác KĐCLGD được thực hiện ở tất cả các cơ sở giáo dục và phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục; được thực hiện một cách độc lập, khách quan, đúng pháp luật, bảo đảm trung thực, công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn và gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cơ sở giáo dục.

II. MỤC TIÊU

Toàn tỉnh hiện có 488 trường mầm non, phổ thông, trong đó: 193 trường mầm non, 87 trường tiểu học, 91 trường THCS, 35 trường THPT, 82 trường phổ thông có nhiều cấp học. Số trường được công nhận đạt KĐCLGD là 395/488 trường, tỉ lệ 80,9%; số trường được công nhận đạt CQG là 393/488 trường, tỉ lệ 80,5%. Giai đoạn 2021-2023, đã thực hiện công nhận 246 trường đạt KĐCLGD, 242 trường đạt CQG.

Căn cứ chỉ tiêu Kế hoạch 192/KH-UBND đề ra; trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2023 và thực tế đăng ký của các địa phương, đơn vị, mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2024-2025 như sau:

1. Mục tiêu xây dựng và công nhận trường đạt CQG

- Đến hết năm 2024: 429/488 (tỉ lệ 87,9%) trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt CQG. Trong đó: mầm non 154/193 trường (tỉ lệ 79,8%); tiểu học 83/87 trường (tỉ lệ 95,4%); THCS 91/91 trường (tỉ lệ 100%); THPT 30/35 trường (tỉ lệ 85,7%); trường phổ thông có nhiều cấp học 71/82 trường (tỉ lệ 86,5%). Số trường công nhận mới năm 2024: 35 trường.

- Đến hết năm 2025: 460/488 (tỉ lệ 94,2%) trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt CQG. Trong đó: mầm non 175/193 trường (tỉ lệ 90,7%); tiểu học 86/87 trường (tỉ lệ 98,8%); THCS 91/91 trường (tỉ lệ 100%); THPT 30/35 trường (tỉ lệ 85,7%); trường phổ thông có nhiều cấp học 78/82 trường (tỉ lệ 95,1%). Số trường công nhận mới năm 2024: 32 trường.

2. Mục tiêu công tác KĐCLGD

- Đến hết năm 2024: Đối với trường mầm non, phổ thông: 436/488 (tỉ lệ 89,3%) trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt KĐCLGD; trong đó: mầm non 159/193 trường (tỉ lệ 82,3%), tiểu học 83/87 trường (tỉ lệ 95,4%), THCS: 91/91 trường (tỉ lệ 100%), THPT: 31/35 trường (tỉ lệ 88,5%), PT có nhiều cấp học: 72/82 trường (tỉ lệ 87,8%). Đối với cơ sở GDTX: 8/11 trung tâm được công nhận đạt KĐCLGD (tỉ lệ 72,7%).

- Đến hết năm 2025: Đối với trường mầm non, phổ thông: 487/488 (tỉ lệ 99,8%) trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt KĐCLGD; trong đó: mầm non 192/193 trường (tỉ lệ 99,5%) (01 trường không kiểm định do mới thành lập), tiểu học 87/87 trường (tỉ lệ 100%), THCS: 91/91 trường (tỉ lệ 100%), THPT 35/35 trường (tỉ lệ 100%), trường phổ thông có nhiều cấp học 82/82 trường (tỉ lệ 100%). Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên: 11/11 trung tâm được công nhận đạt KĐCLGD (tỉ lệ 100%).

3. Tiến độ thực hiện

Số trường		Đã thực hiện giai đoạn 2021-2023		Kế hoạch năm 2024		Kế hoạch năm 2025	
		KĐCLGD	CQG	KĐCLGD	CQG	KĐCLGD	CQG
Mầm non	193	83	81	48	41	66	49
Tiểu học	87	68	67	22	36	19	18
THCS	91	57	56	22	21	14	14
THPT	35	16	16	12	6	9	5
PT nhiều cấp học	82	22	22	11	7	25	22
Cơ sở GDTX	11	4		4		3	
Tổng	499	250	242	119	113	136	108

(Bảng tổng hợp và Danh sách các đơn vị theo Phụ lục 1, 2 đính kèm).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG. Tăng cường tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng; gắn với tuyên truyền thực hiện xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát việc thực hiện

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, tổ chức đoàn thể đối với công tác xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch KĐCLGD và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đã đề ra tại địa phương. Chỉ đạo các nhà trường rà soát điều kiện của trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường học, trên cơ sở đó tham mưu với địa phương đề ra các giải pháp xây dựng trường đạt KĐCLGD và CQG theo đúng lộ trình đã đăng ký. Đưa việc KĐCLGD và xây dựng trường chuẩn quốc gia vào nhiệm vụ trọng tâm công tác trong năm để phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện. Tập trung bố trí nguồn ngân sách để đầu tư hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho những đơn vị. Gắn việc thực hiện xây dựng trường chuẩn quốc gia với việc thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại địa phương. Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị về thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, công khai chất lượng, các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính trong giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường theo Điều lệ trường học; chú trọng việc xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong trường học; xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp trong hệ thống chính trị của nhà trường, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc thực hiện xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD. Gắn kết chặt chẽ công tác xây dựng trường đạt CQG, KĐCLGD với việc thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị; tổ chức tự đánh giá theo quy trình tại Thông tư số 17, 18, 19/2018/TT-BGDĐT (đối với các trường mầm non, PT), Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT (đối với trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm GDNN-GDTX); thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (đối với các đơn vị hoàn thành tự đánh giá), xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài (đối với các đơn vị đã được đánh giá ngoài). Tăng cường hoạt động xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD tại các trường ngoài công lập. Lấy kết quả xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD là một trong những căn cứ để xét giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường ngoài công lập.

Tăng cường triển khai hoạt động đánh giá ngoài. Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác KĐCLGD. Tăng cường sử dụng phần mềm trong triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài. Đảm bảo kinh phí để thực hiện đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục thường xuyên hàng năm theo định mức quy định tại Thông tư 56//TTLT-BGDĐT-BTC.

3. Tiếp tục rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao chất lượng giáo dục

Tiếp tục thực hiện rà soát sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp đảm bảo nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh, gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Khi thực hiện sáp nhập các trường cần rà soát các tiêu chí về trường đạt CQG, đặc biệt quy mô về số lớp học.

Tăng cường triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học; có giải pháp nâng cao tỷ lệ học sinh khá, giỏi; giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém, lưu ban, bỏ học. Tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học. Coi trọng công tác đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, bảo đảm đánh giá đúng chất lượng. Đảm bảo tỉ lệ huy động học sinh ra lớp, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Tăng cường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với bậc tiểu học.

Nâng cao chất lượng dạy tin học, ngoại ngữ, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo của học sinh. Quan tâm giáo dục thể chất, quốc phòng, an ninh, hướng nghiệp; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học. Tăng cường xây dựng mối quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội; phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể tại địa phương xây dựng tốt môi trường giáo dục.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

Sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị. Sắp xếp, bố trí và tuyển dụng giáo viên nhằm đảm bảo đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các nhà trường.

Xây dựng đề án và quản lý vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; đảm bảo số người làm việc gắn với tinh giản biên chế; quản lý, sử dụng số lượng người làm việc; hướng dẫn định mức giáo viên, nhân viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đảm bảo chuẩn hóa đội ngũ theo quy định.

Tiếp tục quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán đóng vai trò nòng cốt trong việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Chú trọng việc rèn luyện, giữ gìn và nâng cao phẩm chất đạo đức trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nhà trường.

Thực hiện đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đúng thực chất làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời cơ chế, chính sách, chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và người lao động trong trường học.

5. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục

Tiếp tục rà soát, bổ sung, quy hoạch, có phương án bố trí quỹ đất, bảo đảm đủ về diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, thực hiện các thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất cho các trường.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư xây dựng đủ phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà tập thể thao đa năng, sân tập có mái che, thư viện và các công trình phụ trợ khác; xây dựng, cải tạo, bổ sung công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn tập thể cho các trường mầm non, phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn quy định; đầu tư mua sắm trang thiết bị bảo đảm chất lượng và đáp ứng yêu cầu dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Phát huy trách nhiệm của chính quyền các cấp theo phân cấp trong việc xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD, đặc biệt là việc cân đối nguồn lực, tập trung kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo kế hoạch, lộ trình đối với các trường học dự kiến đạt chuẩn quốc gia, đồng thời duy trì nâng cao chất lượng những trường đã đạt chuẩn. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; thường xuyên rà soát các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và tiêu chí KĐCLGD, xây dựng giải pháp có tính khả thi để bổ sung, khắc phục, hoàn thiện và cải tiến chất lượng.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết

Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD lồng ghép với việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong giáo dục.

Thường xuyên kiểm tra hoạt động tự đánh giá, thực hiện cải tiến chất lượng của các đơn vị; định kỳ rà soát kiểm tra, công nhận kết quả duy trì đối với các trường đã được công nhận đạt KĐCLGD và chuẩn quốc gia.

Hàng năm, thực hiện tổng hợp kết quả xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD của các đơn vị; tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời động viên, khuyến khích và nhân rộng điển hình tiên tiến, đồng thời xử lý nghiêm các đơn vị có vi phạm trong quá trình thực hiện.

7. Kinh phí đảm bảo

Nguồn kinh phí thực hiện: Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới; nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh; từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách xã theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, UBND huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã và các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, đăng ký nhu cầu, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, tỉnh thời kỳ 2021-2030.

- Chỉ đạo các trường THPT; hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn quản lý thực hiện tốt việc xây dựng trường đạt CQG và quy trình KĐCLGD bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài; giám sát, chỉ đạo các nhà trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt CQG.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch. Tổ chức, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và đào tạo.

2. Sở Tài chính

- Tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối và bố trí kinh phí để đầu tư nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị phục vụ dạy và học; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định

- Tham mưu bố trí kinh phí tổ chức hoạt động đánh giá ngoài để công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, phân bổ ngân sách đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp bảo đảm kinh phí xây dựng, sửa chữa phòng học, phòng bộ môn, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị cho các nhà trường nhằm thực hiện tốt Kế hoạch.

4. Sở Nội vụ

- Tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, thẩm định đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trình UBND tỉnh phê duyệt

- Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đảm bảo số người làm việc gắn với tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, hướng dẫn định mức giáo viên, nhân viên trong các đơn vị nhằm đảm bảo chuẩn hóa đội ngũ theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thành phố, thị xã tham mưu lập, thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trên cơ sở đề xuất nhu cầu sử dụng đất của ngành GDĐT, trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục còn thiếu đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục và đào tạo, công tác xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD.

- Hướng dẫn các trường lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

6. Sở Xây dựng

- Tiếp tục phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố rà soát quy hoạch xây dựng để tham mưu, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLGD về cơ sở vật chất nhà trường. Hướng dẫn các địa phương, chủ đầu tư lập thiết kế trường, lớp học, phòng học bộ môn, các công trình phụ trợ... bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các thiết kế mẫu đã được ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức thi công xây dựng các công trình trường học đảm bảo yêu cầu thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu sử dụng, nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư xây dựng.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về mục đích, ý nghĩa công tác xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD, tạo sự quan tâm, đồng thuận ủng hộ rộng rãi của xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo.

8. Báo Hưng Yên, Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền về công tác xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD tại các nhà trường và các địa phương.

9. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD giai đoạn 2021-2025 của địa phương trên cơ sở bám sát Kế hoạch của tỉnh. Huy động nguồn lực tài chính, có các biện pháp cụ thể tăng cường, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các nhà trường.

- Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các nhà trường thuộc địa bàn quản lý rà soát đề tham mưu xây dựng đề án vị trí việc làm của đơn vị; điều chỉnh, bổ sung các hạng mục đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLGD và trường đạt CQG; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để huy động hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ thực hiện các hoạt động xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD, đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học đạt tiêu chuẩn bảo đảm hoàn thành mục tiêu Kế hoạch.

- Tiếp tục xây dựng, rà soát, bổ sung Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

10. Các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

Thực hiện tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài theo quy định. Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng theo kế hoạch đề ra trong báo cáo tự đánh giá và theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài. Phát huy kết quả KĐCLGD và công nhận trường đạt CQG không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể tỉnh

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức đoàn thể các cấp tăng cường tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phối hợp với ngành giáo dục, các sở, ngành liên

quan thực hiện công tác xây dựng trường đạt CQG và KĐCLGD; tham gia tích cực hoạt động xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực đầu tư chăm lo phát triển giáo dục. Phối hợp kiểm tra, giám sát, phản biện các cơ quan quản lý nhà nước, nhà trường trong việc thực hiện Kế hoạch.

12. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ Kế hoạch chủ động tổ chức thực hiện, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi về Sở Giáo dục và đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Hưng Yên; Đài PTTH Hưng Yên;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC 1:
Kế hoạch KĐCLGD các trường mầm non, phổ thông, trung tâm GDNN-GDTX
và công nhận trường mầm non, phổ thông đạt CQG giai đoạn 2024-2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị	Kế hoạch KĐCLGD							Kế hoạch công nhận trường đạt CQG					
		Tổng số	Trường mầm non	Trường tiểu học	Trường THCS	Trường THPT	Trường PT nhiều cấp học	TT GDNN-GDTX	Tổng số	Trường mầm non	Trường tiểu học	Trường THCS	Trường THPT	Trường PT nhiều cấp học
	Năm 2024	119	48	22	22	12	11	4	113	48	22	22	11	10
1	TP Hưng Yên	8	3	1	2		2		8	3	1	2		2
2	Huyện Tiên Lữ	6	3	2	1		0		6	3	2	1		0
3	Huyện Phù Cù	5	2	2	1		0		5	2	2	1		0
4	Huyện Kim Động	3			1		2		3			1		2
5	Huyện Ân Thi	19	10	3	6		0		19	10	3	6		0
6	Huyện Yên Mỹ	17	7	4	4		2		17	7	4	4		2
7	TX Mỹ Hào	8	6	1			1		8	6	1			1
8	Huyện Văn Lâm	5	3	1	1				5	3	1	1		
9	Huyện Văn Giang	0							0					
10	Huyện Khoái Châu	31	14	8	6		3		31	14	8	6		3
11	Trường THPT	13				12	1		11				11	
12	TT GDNN-GDTX	4						4						
	Năm 2025	136	66	19	14	9	25	3	108	49	18	14	5	22
1	TP Hưng Yên	19	10	2	3		4		18	10	2	3		3
2	Huyện Tiên Lữ	11	5	2	2		2		10	4	2	2		2
3	Huyện Phù Cù	8	5	1	2				8	5	1	2		
4	Huyện Kim Động	16	10	3			3		16	10	3			3
5	Huyện Ân Thi	9	3	1	1		4		8	2	1	1		4
6	Huyện Yên Mỹ	23	13	3	1		6		16	6	3	1		6
7	TX Mỹ Hào	12	8	2	2				8	5	1	2		
8	Huyện Văn Lâm	8	5	3					6	3	3			
9	Huyện Văn Giang	13	7	2	3		1		10	4	2	3		1
10	Huyện Khoái Châu	3					3		3					3
11	Trường THPT	11				9	2		5				5	
12	TT GDNN-GDTX	3						3						
	Cộng 2024, 2025	255	114	41	36	21	36	7	221	97	40	36	16	32

PHỤ LỤC 2:
Danh sách trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên
thực hiện KĐCLGD và công nhận đạt CQG giai đoạn 2024-2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KĐLGD	CQG	Ghi chú
	Năm 2024				
1	MN An Tảo	Hưng Yên	x	x	
2	MN Lam Sơn	Hưng Yên	x	x	
3	MN Phú Cường	Hưng Yên	x	x	
4	TH Quảng Châu	Hưng Yên	x	x	
5	THCS Nguyễn Tất Thành	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
6	THCS Trung Nghĩa	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
7	TH và THCS Hồng Châu	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
8	TH và THCS Minh Khai	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
9	MN An Viên	Tiên Lữ	x	x	
10	MN Lệ Xá	Tiên Lữ	x	x	
11	MN Nhật Tân	Tiên Lữ	x	x	
12	TH Thiện Phiến	Tiên Lữ	x	x	
13	TH Thủ Sỹ	Tiên Lữ	x	x	
14	THCS Dị Chế	Tiên Lữ	x	x	
15	MN Phan Sào Nam	Phù Cù	x	x	
16	MN Tổng Trân	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
17	TH Quang Hưng	Phù Cù	x	x	
18	TH Tổng Phan	Phù Cù	x	x	
19	THCS Đoàn Đào	Phù Cù	x	x	
20	MN Bãi Sậy	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
21	MN Đào Dương	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
22	MN Hồ Tùng Mậu	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
23	MN Hồng Vân	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
24	MN Nguyễn Trãi	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
25	MN Phù Ứng	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
26	MN Cẩm Ninh	Ân Thi	x	x	
27	MN Hồng Quang	Ân Thi	x	x	
28	MN Quảng Lãng	Ân Thi	x	x	
29	MN Quang Vinh	Ân Thi	x	x	
30	TH Đào Dương	Ân Thi	x	x	
31	TH Hồ Tùng Mậu	Ân Thi	x	x	
32	TH Vân Du	Ân Thi	x	x	
33	THCS Hồ Tùng Mậu	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
34	THCS Bắc Sơn	Ân Thi	x	x	Công nhận mới
35	THCS Bãi Sậy	Ân Thi	x	x	
36	THCS Đào Dương	Ân Thi	x	x	
37	THCS Phù Ứng	Ân Thi	x	x	
38	THCS Xuân Trúc	Ân Thi	x	x	

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KDLGD	CQG	Ghi chú
39	THCS Vĩnh Xá	Kim Động	x	x	Công nhận mới
40	TH và THCS Nhân La	Kim Động	x	x	Công nhận mới
41	TH và THCS Phạm Ngũ Lão	Kim Động	x	x	Công nhận mới
42	MN Bình Kiều	Khoái Châu	x	x	
43	MN An Vĩ	Khoái Châu	x	x	
44	MN Dân Tiến	Khoái Châu	x	x	
45	MN Phùng Hưng	Khoái Châu	x	x	
46	MN Tân Châu	Khoái Châu	x	x	
47	MN Thuận Hưng	Khoái Châu	x	x	
48	MN Ánh Dương	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
49	MN Chí Tân	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
50	MN Đại Hưng	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
51	MN Tứ Dân	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
52	MN Đông Ninh	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
53	MN Hoa Anh Đào	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
54	MN Hồng Tiến	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
55	MN MN Misa	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
56	TH Tứ Dân	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
57	TH Phùng Hưng	Khoái Châu	x	x	Công nhận mới
58	TH Bình Minh	Khoái Châu	x	x	
59	TH Dạ Trạch	Khoái Châu	x	x	
60	TH Đại Hưng	Khoái Châu	x	x	
61	TH Đông Tảo	Khoái Châu	x	x	
62	TH Hồng Tiến	Khoái Châu	x	x	
63	TH Tân Châu	Khoái Châu	x	x	
64	THCS Dạ Trạch	Khoái Châu	x	x	
65	THCS Đại Hưng	Khoái Châu	x	x	
66	THCS Đông Tảo	Khoái Châu	x	x	
67	THCS Hồng Tiến	Khoái Châu	x	x	
68	THCS Tân Châu	Khoái Châu	x	x	
69	THCS TT Khoái Châu	Khoái Châu	x	x	
70	TH và THCS Đồng Tiến	Khoái Châu	x	x	
71	TH và THCS Nhuê Dương	Khoái Châu	x	x	
72	TH và THCS Ông Đình	Khoái Châu	x	x	
73	MN Trung Hòa	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
74	MN Việt Cường	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
75	MN Yên Hòa	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
76	MN Lý Thường Kiệt	Yên Mỹ	x	x	
77	MN Tân Lập	Yên Mỹ	x	x	
78	MN Yên Phú	Yên Mỹ	x	x	
79	MN Trung Hưng	Yên Mỹ	x	x	
80	TH Yên Phú	Yên Mỹ	x	x	
81	TH Đồng Than	Yên Mỹ	x	x	
82	TH Liêu Xá	Yên Mỹ	x	x	

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KDLGD	CQG	Ghi chú
83	TH TT Yên Mỹ I	Yên Mỹ	x	x	
84	THCS Đồng Than	Yên Mỹ	x	x	
85	THCS Liêu Xá	Yên Mỹ	x	x	
86	THCS TT Yên Mỹ	Yên Mỹ	x	x	
87	THCS Trung Hòa	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
88	TH và THCS Lý Thường Kiệt	Yên Mỹ	x	x	
89	TH và THCS Minh Châu	Yên Mỹ	x	x	
90	MN Sao Khuê	Mỹ Hào	x	x	Công nhận mới
91	MN Tuổi Thần Tiên	Mỹ Hào	x	x	Công nhận mới
92	MN Bạch Sam	Mỹ Hào	x	x	
93	MN Hòa My	Mỹ Hào	x	x	
94	MN Ngọc Lâm	Mỹ Hào	x	x	
95	MN Nhân Hòa	Mỹ Hào	x	x	
96	TH Hòa Phong	Mỹ Hào	x	x	
97	TH và THCS Xuân Dục	Mỹ Hào	x	x	
98	MN Đại Đồng	Văn Lâm	x	x	
99	MN Trung Trắc	Văn Lâm	x	x	
100	MN Việt Hưng	Văn Lâm	x	x	
101	TH Đại Đồng	Văn Lâm	x	x	
102	THCS Lạc Đạo	Văn Lâm	x	x	
103	THPT Phạm Ngũ Lão	Ân Thi	x	x	
104	THPT Khoái Châu	Khoái Châu	x	x	
105	THPT Nguyễn Siêu	Khoái Châu	x	x	
106	THPT Minh Châu	Yên Mỹ	x	x	
107	THPT Yên Mỹ	Yên Mỹ	x	x	
108	THPT Nam Phù Cừ	Phù Cừ	x	x	
109	THPT Văn Lâm	Văn Lâm	x	x	
110	THPT Quang Trung	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
111	THPT Lê Quý Đôn	Ân Thi	x		
112	THPT Hồng Bàng	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
113	THPT Hùng Vương	Văn Lâm	x	x	Công nhận mới
114	THPT Nguyễn Công Hoan	Văn Giang	x	x	Công nhận mới
115	TH, THCS, THPT Hồng Đức	Mỹ Hào	x		
116	TT GDNN-GDTX Hưng Yên	Hưng Yên	x		
117	TT GDNN-GDTX Tiên Lữ	Tiên Lữ	x		
118	TT GDNN-GDTX Kim Động	Kim Động	x		
119	TT GDNN-GDTX Văn Lâm	Văn Lâm	x		
	Năm 2025				
1	MN Công ty CP May Hưng Yên	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
2	MN Hoàng Hanh	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
3	MN Lê Hồng Phong	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
4	MN Liên Phương	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
5	MN tư thực Thiên Đức	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
6	MN tư thực Hoa Sứ	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KDLGD	CQG	Ghi chú
7	MN tư thực Phước Huệ	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
8	MN tư thực Tô Hiệu	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
9	MN Tân Hưng	Hưng Yên	x	x	
10	MN Hồng Châu	Hưng Yên	x	x	
11	TH Liên Phương	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
12	TH An Tảo	Hưng Yên	x	x	
13	THCS Lê Lợi	Hưng Yên	x	x	
14	THCS Hiến Nam	Hưng Yên	x	x	
15	THCS Liên Phương	Hưng Yên	x	x	
16	TH và THCS Hùng Cường	Hưng Yên	x	x	Công nhận mới
17	TH và THCS Hưng Yên	Hưng Yên	x		
18	TH và THCS Hồng Nam	Hưng Yên	x	x	
19	TH và THCS Tân Hưng	Hưng Yên	x	x	
20	MN Hưng Đạo	Tiên Lữ	x	x	Công nhận mới
21	MN Bình Minh	Tiên Lữ	x		
22	MN Minh Phương	Tiên Lữ	x	x	
23	MN Hải Triều	Tiên Lữ	x	x	
24	MN Thiện Phiến	Tiên Lữ	x	x	
25	TH Dị Chế	Tiên Lữ	x	x	
26	TH Cương Chính	Tiên Lữ	x	x	
27	THCS Nhật Tân	Tiên Lữ	x	x	
28	THCS Thủ Sỹ	Tiên Lữ	x	x	
29	TH và THCS Hải Triều	Tiên Lữ	x	x	Công nhận mới
30	TH và THCS Minh Phương	Tiên Lữ	x	x	Công nhận mới
31	MN Đình Cao	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
32	MN Nguyễn Hòa	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
33	MN Tam Đa	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
34	MN Tống Phan	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
35	MN Minh Tân	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
36	TH Đoàn Đào	Phù Cù	x	x	Công nhận mới
37	THCS Quang Hưng	Phù Cù	x	x	
38	THCS Đình Cao	Phù Cù	x	x	
39	MN Bình Minh	Ân Thi	x		
40	MN Tân Phúc	Ân Thi	x	x	
41	MN Vân Du	Ân Thi	x	x	
42	TH Bắc Sơn	Ân Thi	x	x	
43	THCS Phạm Huy Thông	Ân Thi	x	x	
44	TH và THCS Tiên Phong	Ân Thi	x	x	
45	TH và THCS Hồng Quang	Ân Thi	x	x	
46	TH và THCS Hạ Lễ	Ân Thi	x	x	
47	TH và THCS Văn Nhuệ	Ân Thi	x	x	
48	MN Mai Động	Kim Động	x	x	Công nhận mới
49	MN Phạm Ngũ Lão	Kim Động	x	x	Công nhận mới
50	MN Vũ Xá	Kim Động	x	x	Công nhận mới

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KDLGD	CQG	Ghi chú
51	MN Vĩnh Xá	Kim Động	x	x	
52	MN TT Lương Bằng	Kim Động	x	x	
53	MN Ngọc Thanh	Kim Động	x	x	
54	MN Chính Nghĩa	Kim Động	x	x	
55	MN Đức Hợp	Kim Động	x	x	
56	MN Hùng An	Kim Động	x	x	
57	MN Toàn Thắng	Kim Động	x	x	
58	TH Toàn Thắng	Kim Động	x	x	Công nhận mới
59	TH Vĩnh Xá	Kim Động	x	x	
60	TH Nghĩa Dân	Kim Động	x	x	
61	TH và THCS Thọ Vinh	Kim Động	x	x	
62	TH và THCS Đông Thanh	Kim Động	x	x	Công nhận mới
63	TH và THCS Song Mai	Kim Động	x	x	Công nhận mới
64	TH và THCS Đại Tập	Khoái Châu	x	x	
65	TH và THCS Bình Kiều	Khoái Châu	x	x	
66	TH và THCS Thuận Hưng	Khoái Châu	x	x	
67	MN Tân Việt	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
68	MN Minh Châu	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
69	MN Họa Mi Baby	Yên Mỹ	x		
70	MN Hoa Thủy Tiên	Yên Mỹ	x		
71	MN Misa	Yên Mỹ	x		
72	MN Ong Vàng Baby	Yên Mỹ	x		
73	MN Sao Sáng	Yên Mỹ	x		
74	MN Ánh Sao	Yên Mỹ	x		
75	MN Họa Mi	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
76	MN Sơn Ca	Yên Mỹ	x		
77	MN Nguyễn Văn Linh	Yên Mỹ	x	x	
78	MN Nghĩa Hiệp	Yên Mỹ	x	x	
79	MN Yên Hòa	Yên Mỹ	x	x	
80	TH Trung Hưng	Yên Mỹ	x	x	
81	TH Hoàn Long	Yên Mỹ	x	x	
82	TH Trung Hòa	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
83	THCS Đoàn Thị Điểm	Yên Mỹ	x	x	
84	TH và THCS Việt Cường	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
85	TH và THCS Yên Hòa	Yên Mỹ	x	x	Công nhận mới
86	TH và THCS Tân Việt	Yên Mỹ	x	x	
87	TH và THCS Nghĩa Hiệp	Yên Mỹ	x	x	
88	TH và THCS Ngọc Long	Yên Mỹ	x	x	
89	TH và THCS Thanh Long	Yên Mỹ	x	x	
90	MN Hoa Sen	Mỹ Hào	x		
91	MN Hoa Sữa	Mỹ Hào	x		
92	MN Hoàng Gia	Mỹ Hào	x		
93	MN Phan Đình Phùng	Mỹ Hào	x	x	
94	MN Cẩm Xá	Mỹ Hào	x	x	

STT	Đơn vị	Huyện, TX, TP	KDLGD	CQG	Ghi chú
95	MN Phùng Chí Kiên	Mỹ Hào	x	x	
96	MN Dị Sử	Mỹ Hào	x	x	
97	MN Xuân Dục	Mỹ Hào	x	x	
98	TH Sao Khuê	Mỹ Hào	x		
99	TH Cẩm Xá	Mỹ Hào	x	x	
100	THCS Phùng Chí Kiên	Mỹ Hào	x	x	
101	THCS TĐ Lê Hữu Trác	Mỹ Hào	x	x	
102	MN Hoa Sứ	Văn Lâm	x	x	Công nhận mới
103	MN Hoàng Yến	Văn Lâm	x		
104	MN Sao Mai	Văn Lâm	x		
105	MN Lạc Đạo	Văn Lâm	x	x	
106	MN Như Quỳnh	Văn Lâm	x	x	
107	TH Lạc Đạo	Văn Lâm	x	x	
108	TH Như Quỳnh	Văn Lâm	x	x	
109	TH Lạc Hồng	Văn Lâm	x	x	
110	MN Fujikids	Văn Giang	x		
111	MN Sáng Tạo	Văn Giang	x		
112	MN Vương quốc Xì Trum	Văn Giang	x		
113	MN Liên Nghĩa	Văn Giang	x	x	
114	MN Xuân Quan	Văn Giang	x	x	
115	MN Mễ Sở	Văn Giang	x	x	
116	MN Phụng Công	Văn Giang	x	x	
117	TH Tân Tiến	Văn Giang	x	x	
118	TH Cửu Cao	Văn Giang	x	x	
119	THCS Thị trấn Văn Giang	Văn Giang	x	x	
120	THCS Long Hưng	Văn Giang	x	x	
121	THCS Cửu Cao	Văn Giang	x	x	
122	TH và THCS Xuân Quan	Văn Giang	x	x	
123	THPT Ân Thi		x	x	
124	THPT Nghĩa Dân		x	x	
125	THPT Hưng Yên		x	x	
126	THPT Mỹ Hào		x	x	
127	THPT Ngô Quyền		x		
128	THPT An Viên		x		
129	THPT Nguyễn Du		x		
130	THPT Lương Tài		x		
131	THCS, THPT Hoàng Hoa Thám		x	x	
132	TH, THCS, THPT Edison		x		
133	TH, THCS, THPT Greenfield		x		
134	TT GDNN-GDTX Ân Thi		x		
135	TT GDNN-GDTX Khoái Châu		x		
136	TT GDNN-GDTX Yên Mỹ		x		